

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thuỳ Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tiền- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Mai Thị Thanh H, sinh năm 1975;

Bị đơn: Lê Văn B, sinh năm 1972 (vắng)

Cùng địa chỉ: Tổ 20, ấp T, xã Ph, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/7/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh B quen biết vào năm 1996, sau thời gian tìm hiểu được 2 đến 3 tháng thì tiến đến hôn nhân. Vợ chồng chung sống đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/12/2002. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống không được hạnh phúc do anh B chỉ lo ăn nhậu nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị H đã bỏ đi nhiều lần nhưng khi chị trở về thì anh B vẫn không thay đổi nên chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay.

Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn B.

- *Về con chung*: chị H và anh B chung sống với nhau có 03 con chung gồm: Lê Minh Nhạc, sinh năm 1997; Lê Yến Nhi, sinh ngày 23/6/2005 (chết năm 2012); Lê Phú Sĩ, sinh ngày 18/01/2014. Minh Nhạc đã trưởng thành, Phú Sĩ đang sinh sống với anh B.

Khi ly hôn chị H đồng ý giao Phú Sĩ cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi Phú Sĩ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi Phú Sĩ đủ 18 tuổi, Minh Nhạc đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn B không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Mai Thị Thanh H.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn B không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và xét xử.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Văn B.

- Về con chung: giao con chung Lê Phú Sĩ, sinh ngày 18/01/2014 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Mai Thị Thanh H xin ly hôn với anh Lê Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Anh B có địa chỉ cư trú tại xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn B nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia hoà giải và xét xử. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn B theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Mai Thị Thanh H và anh Lê Văn B chung sống với nhau năm 1996, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/12/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị Mai Thị Thanh H xin ly hôn với anh Lê Văn B vì cho rằng: anh B chỉ lo ăn nhậu nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị H đã bỏ đi nhiều lần, nhưng khi chị trở về chung sống thì anh B vẫn không sửa đổi được. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị H đã bỏ đi từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, nhiều lần Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng yêu cầu anh B đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh B tự khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, không đến Tòa án tham gia hoà giải, cũng không có bất kỳ ý kiến nào mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Điều này cho thấy, anh B không có thiện chí đoàn tụ, để mặc cho hậu quả xảy ra. Như vậy, lý do chị H đưa ra để yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về nuôi con chung:

Lê Minh Nh đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Lê Phú S chưa đủ 18 tuổi hiện đang sinh sống với anh B. Chị H đồng ý giao Lê Phú S cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi Phú S đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con khi ly hôn. Tuy anh B không có ý kiến về yêu cầu nuôi con nhưng do Phú S đang sinh sống với anh B, nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được ở với cha. Do đó, việc chị H đồng ý giao cháu S cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tuy anh B không có ý kiến yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi Lê Phú S mỗi tháng 1.000.000 đồng. Nhận thấy, việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B cũng không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí*: chị Mai Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4]. Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Văn B.

2. Về nuôi con chung: anh Lê Văn B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Phú S, sinh ngày 18/01/2014 (Phú S đang sinh sống với anh B).

Chị Mai Thị Thanh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Lê Phú S mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi S đủ 18 tuổi.

Chị Mai Thị Thanh H có quyền đến thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Mai Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013390 ngày 04/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị H đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu HS vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

